

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2020/HS-ST
Ngày 03/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2020/TLST - HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2020/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

HUỲNH NGỌC P (tên gọi khác: Không), sinh năm 1994 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 4, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1965 và bà Lê Thị M, sinh năm 1973; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 (đã ly hôn), bị cáo chưa có con;

Tiền án: 02 lần

Ngày 11/6/2013 Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 78/2013/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an; ngày 23/10/2014, chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 26/6/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 153/2017/HSPT; chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an; ngày 28/8/2019, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không, nhân thân xấu.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2020 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 5, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Người làm chứng*: Chị Ksor N, sinh năm 1994; địa chỉ: Làng K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Ngọc P là người đã bị kết án về các tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, “*Trộm cắp tài sản*” và chưa được xóa án tích; P có quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Mỹ H. Khoảng hơn 20 giờ ngày 03/11/2019, khi đang cùng uống cà phê với chị Ksor N tại quán cà phê H ở số 559A đường LTT, thành phố P, chị H gọi điện thoại rủ P đến cùng uống cà phê. Một lúc sau, P đi bộ đến cùng ngồi uống cà phê với chị H và chị N. P khai: Trong lúc đang uống cà phê, P nhận được điện thoại di động của đối tượng tên “C”, là bạn ngoài xã hội của P gọi đến hỏi mượn số tiền 3.000.000 đồng. Do P chỉ có 1.000.000 đồng, nên P nảy sinh ý định giả vờ mượn xe mô tô của chị H để đi công việc, sau đó chiếm đoạt và mang đi thế chấp để lấy tiền cho “C” mượn. Lúc này khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, P giả vờ hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen-trắng, biển số 81B1-314.05 của chị H để đi công việc, một lát sau sẽ quay lại trả. Do tin tưởng P, nên chị H đồng ý cho P mượn xe và tiếp tục ngồi uống cà phê để đợi P quay lại trả. Sau khi mượn xe mô tô của chị H, P điều khiển xe đến khu vực ngã tư đường TC, đường LTT và đường NCT (ngã tư L), phường TB, thành phố P, rồi điện thoại cho đối tượng nữ tên L (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ - là bạn ngoài xã hội của P) nhờ L mang xe mô tô trên đi thế chấp lấy 2.000.000 đồng giúp P. Một lúc sau, L đến mang xe 81B1-314.05 đi thế chấp và quay lại đưa cho P 2.000.000 đồng; P hỏi thế chấp xe ở đâu, thì L nói là ở đường NVX. P khai: Tiền thế chấp xe mô tô 81B1-314.05 mà có, sau đó P đã cho đối tượng tên “C” mượn. Đối với chị H, sau khi cho P mượn xe mô tô 81B1-314.05 thì đợi đến khoảng 21 giờ 40 phút, nhưng không thấy P quay lại trả xe; chị H gọi điện thoại cho P, nhưng không liên lạc được, nên cùng với chị N đi về. Do liên lạc nhiều lần nhưng P không trả lại xe và sau đó không liên lạc được với P, nên ngày 07/11/2019 chị H đến Công an phường TB, thành phố P trình báo việc bị P chiếm đoạt xe mô tô 81B1-314.05. Ngày 11/11/2019, P đến Công an phường TB đầu thú, khai nhận về hành vi giả vờ mượn xe mô tô 81B1-314.05 của chị H, sau đó chiếm đoạt và nhờ người khác mang đi thế chấp lấy tiền. Tại thời điểm này, do chưa thu hồi, định giá được xe mô tô 81B1-314.05, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có đủ căn cứ để khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với P. Sau đó, P bỏ trốn; đến ngày 15/3/2020, thì bị bắt. Đối với xe mô tô 81B1-314.05 chiếm đoạt của chị H, quá trình điều tra P khai không biết đối tượng L đã thế chấp ở đâu, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị Huỳnh Ngọc P chiếm đoạt, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đen-trắng, số máy 5C64889417, số khung 640CY889407, biển số 81B1-314.05 của chị Nguyễn Thị Mỹ H trị giá 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Điện thoại di động mà P sử dụng liên lạc nhờ đối tượng L thế chấp xe mô tô biển số 81B1-314.05 của chị H, P khai đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 80/CT – VKS ngày 23 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Huỳnh Ngọc P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Huỳnh Ngọc P thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về nội dung Kết luận V/v định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 10 tháng 7 năm 2020, bị cáo Huỳnh Ngọc P khai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do đối tượng L xúi giục, tuy không biết rõ họ tên của L nhưng bị cáo biết rõ và có thể chỉ dẫn đến nơi cư trú của đối tượng L. Theo Công văn số 323/VKS ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc chuyển lại hồ sơ vụ án Huỳnh Ngọc P để xét xử, sau khi tiếp nhận hồ sơ theo Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 14/2020/HSST – QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, căn cứ vào kết quả xác minh bổ sung có cơ sở xác định các nội dung mới do bị cáo Huỳnh Ngọc P khai tại phiên tòa ngày 10 tháng 7 năm 2020 là không đúng sự thật.

Từ đó, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Huỳnh Ngọc P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*”, “*đầu thú*” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung. Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Huỳnh Ngọc P và bị hại Nguyễn Thị Mỹ H về vấn đề bồi thường dân sự và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối tượng nữ giới tên L, là người đã mang xe mô tô 81B1 – 314.05 đi thế chấp giúp cho P và đối tượng nam giới tên “C” là người P cho mượn tiền do thế chấp xe mô tô 81B1 – 314.05 mà có, quá trình điều tra và điều tra bổ sung P không biết được họ tên, địa chỉ của L và “C”; cơ quan cảnh sát điều tra, viện kiểm sát đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được các đối tượng nêu trên sẽ làm rõ và xử lý sau.

[2] Về hành vi của bị cáo: Ngày 03/11/2019, lợi dụng mối quan hệ quen biết, Huỳnh Ngọc P giả vờ mượn của chị Nguyễn Thị Mỹ H xe mô tô biển số 81B1 - 314.05 trị giá qua định giá là 10.500.000 đồng để đi công việc nhưng sau đó lại nhờ người khác thế chấp lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng,thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Từ hành vi của bị cáo xác định, trên cơ sở lợi dụng niềm tin của chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với bị cáo, đưa thông tin sai sự thật về việc mượn xe mô tô làm phương tiện đi lại giải quyết việc cá nhân để chị H tin tưởng sau đó giao xe mô tô cho bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản có giá trị qua định giá là 10.500.000 đồng do Huỳnh Ngọc P thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

Ngày 23/10/2014, bị cáo Huỳnh Ngọc P chấp hành xong hình phạt tù của Tòa án nhân dân thành phố P, ngày 11/9/2015 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; như vậy hành vi của bị cáo là “Tái phạm”. Ngày 28/8/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của bản án số 153/2017/HSPT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã nhanh chóng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào ngày 03/11/2019 thuộc trường hợp được coi là “Tái phạm nguy hiểm” theo Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó, tuy bản án số 16/2017/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không xác định hành vi trộm cắp tài sản bị cáo đã thực hiện là tái phạm nhưng tại Bản án số 153/2017/HSPT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã nhận định “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự dẫn đến yếu tố bù trừ từ đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Ngọc P.

Như vậy, dù xét trên quá trình thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo hay dựa trên yếu tố đã có bản án có hiệu lực pháp luật xác định “Tái phạm” thì hành vi bị cáo Huỳnh Ngọc P đã thực hiện ngày 03/11/2019 đều được coi là “Tái phạm nguy hiểm” phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi,

bổ sung năm 2017:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...d) Tái phạm nguy hiểm”

Từ đó, có căn cứ pháp lý xác định bị cáo Huỳnh Ngọc P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát thành phố P đã truy tố.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện rất nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Từ năm 2012 bị cáo liên tiếp phạm tội, vừa chấp hành xong hình phạt tù đã nhanh chóng thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo coi đây là bài học cảnh tỉnh, răn đe, tu dưỡng bản thân thành người công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói trên để giảm nhẹ hình phạt của bị cáo khi quyết định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu bị cáo Huỳnh Ngọc P bồi thường giá trị xe mô tô biển số 81B1 – 314.05 đã chiếm đoạt theo giá do Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã kết luận là 10.500.000 đồng, phù hợp theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Ngọc P đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Nguyễn Thị Mỹ H, sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận này trong phần quyết định, bị cáo Huỳnh Ngọc P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ H 10.500.000 (mười triệu năm trăm nghìn) đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Ngọc P.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc P phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/3/2020.

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Huỳnh Ngọc P và bị hại Nguyễn Thị Mỹ H về phần bồi thường dân sự, bị cáo Huỳnh Ngọc P bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 10.500.000 (Mười triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc P phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc P phải nộp 525.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA